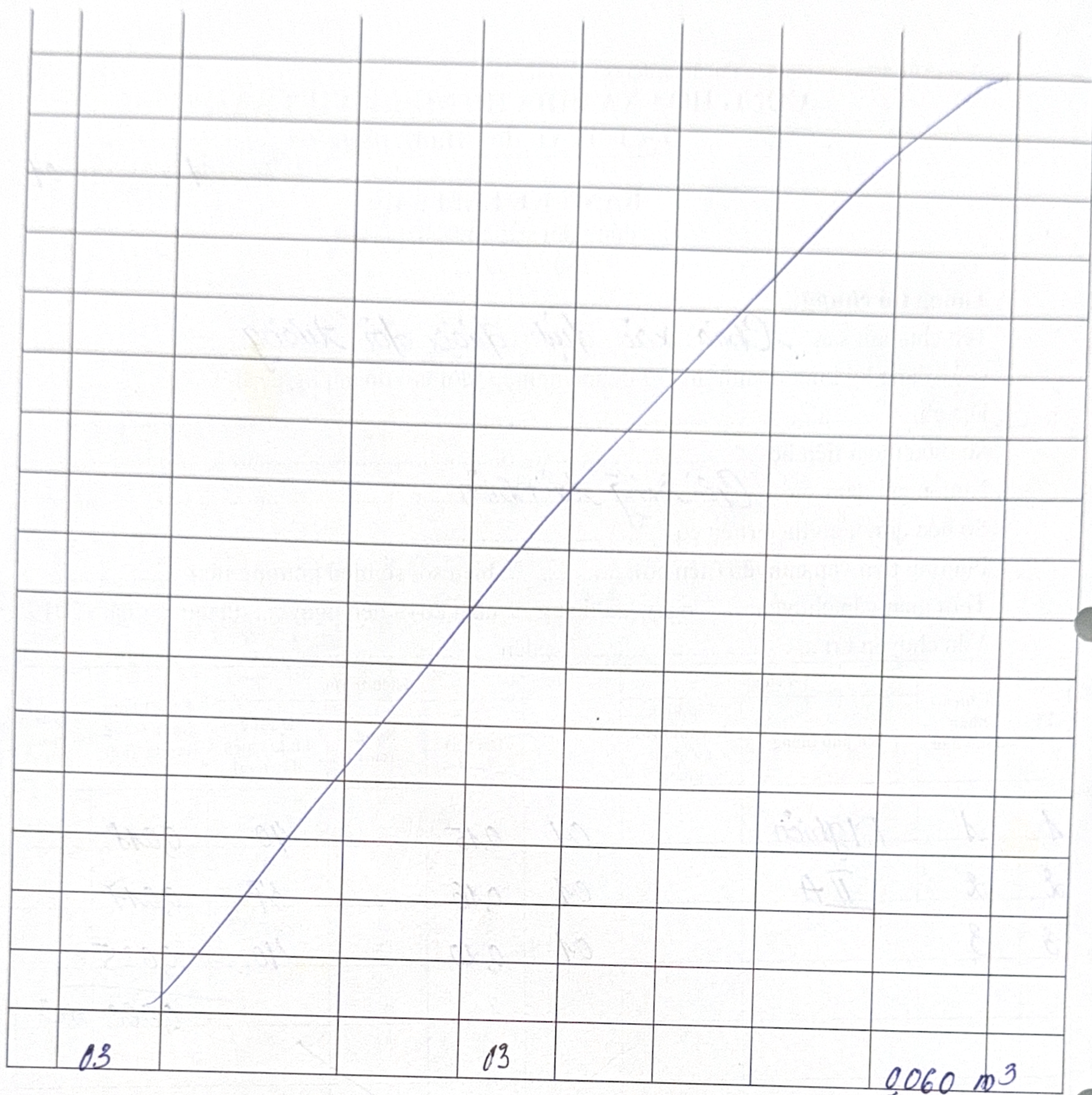


TT	Số hiệu, nhân đánh dấu	Tên gỗ		Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)/ trọng lượng (kg)	Ghi chú
		Tên phổ thông	Tên khoa học (đối với gỗ nhập khẩu)		Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
1	1	Nghien'		01	0,15		40	0,018	
2	2	IIA		01	0,16		37	0,017	
3	3			01	0,20		140	0,025	
								0,060 m ³	



Tổng số lượng và khối lượng hoặc trọng lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê:

..... 0.3 Khu, khối lượng 0.060 m³
 (Ba Khu gỗ Nghiên Sơn Nhóm II A, khối lượng: không
 phải khai thác, không mất khối lượng)

Ngày 15 tháng 7 năm 2019

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu với tổ chức;
ký ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

[Signature]
 Vương Quyền Anh